

(Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP
ngày 23/3/2017 của Chính phủ)

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	19,139,824	27,580,361	17,105,863	144
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	4,986,824	7,208,453	2,221,629	145
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) THEO LĨNH VỰC	14,153,000	14,132,599	8,644,925	100
1	Chi đầu tư phát triển	3,674,704	4,558,057	883,353	124
2	Chi thường xuyên	8,668,433	9,571,435	9,571,435	110
2.1	Chi quốc phòng		404,052	404,052	
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội		145,979	145,979	
2.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề		3,744,114	3,744,114	
2.4	Chi khoa học và công nghệ		13,806	13,806	
2.5	Chi y tế, dân số và gia đình		878,376	878,376	
2.6	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao		151,362	151,362	
2.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn		106,495	106,495	
2.8	Chi bảo vệ môi trường		54,834	54,834	
2.9	Chi các hoạt động kinh tế		853,875	853,875	
2.10	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1,917,742	1,917,742	
2.11	Chi bảo đảm xã hội		348,043	348,043	
2.12	Chi khác		952,757	952,757	
3	Chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay	-	3,107		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	-	(1,000)	-
4	Chi dự phòng ngân sách	286,979	-	(286,979)	-
5	Chi thực hiện cải cách tiền lương	1,521,884	-	(1,521,884)	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	6,206,553	6,206,553	
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	25,105	25,105	
E	CHI TRẢ NỢ GỐC VAY	-	7,650	7,650	